|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT ĐỒNG THÁP  **TRƯỜNG THPT LAI VUNG 2** |  |

**THAM LUẬN**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG VIỆC BIÊN SOẠN MA TRẬN**

**VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018**

Cùng với việc đổi mới chương trình GDPT, đổi mới sách giáo khoa thì vấn đề đổi mới trong kiểm tra đánh giá là một việc hết sức quan trọng trong quá trình dạy – học. Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

Thực hiện theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định đánh giá học sinh THCS và THPT; hướng dẫn số 1188/SGDĐT-GDTrH&TX ngày 18/08/2023 của Sở GD&ĐT Đồng Tháp V/v hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá năm học 2023-2024, trường THPT Lai Vung 2 đã tổ chức kiểm tra giữa kì 1 năm học 2023-2024. Qua đó, tổ Toán trường THPT Lai Vung 2 xin được trình bày tham luận về kiểm tra đánh giá môn Toán đáp ứng chương trình GDPT 2018 đặc biệt là đánh giá định kì.

Theo thông tư 22 và công văn hướng dẫn 1188, đối với môn Toán (không phải môn chuyên), bài kiểm tra, đánh giá định kì với thời lượng là 60 phút đến 90 phút kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận theo tỉ lệ phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, bảo đảm đánh giá toàn diện mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình và thực tế học tập của học sinh, đề kiểm tra phải được xây dựng dựa trên ma trận và bảng đặc tả đề kiểm tra (theo phụ lục 1 và 2 đính kèm hướng dẫn 1188). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện theo hướng dẫn, tổ Toán trường nhận thấy có những thuận lợi và khó khăn trong việc biên soạn ma trận, bảng đặc tả và đề kiểm tra như sau:

\* Thuận lợi:

- Sở GD có ban hành văn bản hướng dẫn quy trình kiểm tra đánh giá, kèm theo các phụ lục về mẫu ma trận, bảng đặc tả và đề.

- Ban Chuyên môn của trường có hướng dẫn cụ thể về quy trình soạn và nộp đề kiểm tra.

- Tất cả giáo viên của tổ đều đã được tập huấn về quy trình xây dựng ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra.

\* Khó khăn:

- Vẫn còn một số giáo viên phân vân trong việc chọn thời gian kiểm tra là 60 phút hay 90 phút, tỉ lệ % giữa trắc nghiệm và tự luận.

- Mẫu phụ lục của hướng dẫn 1188 thì phần tự luận, các câu hỏi chỉ nằm ở mức độ vận dụng và vận dụng cao. Tuy nhiên, nếu chỉ cho tự luận ở 2 mức độ này thì hầu như học sinh trung bình, trung bình yếu sẽ không làm được và các em sẽ chỉ tập trung ở những câu hỏi trắc nghiệm. Do đó, chúng ta sẽ không kiểm tra được kĩ năng giải toán tự luận, khả năng lập luận, giải quyết vấn đề của các em.

- Ma trận đặc tả của đề xây dựng trên cơ sở bảng mô tả các mức độ đánh giá được biên soạn từ các nội dung yêu cầu cần đạt. Tuy nhiên có những yêu cầu không được rõ ràng, gây khó khăn cho người soạn ma trận và soạn đề (*Phụ lục)*.

- Một nội dung kiến thức đã được ấn định về mức độ thì nội dung đó có thể cho ở các mức độ khác được không? Ví dụ: nội dung công thức lượng giác trong yêu cầu cần đạt chỉ có ở mức độ mô tả công thức tức là mức thông hiểu, như vậy sẽ không kiểm tra được khả năng vận dụng công thức của học sinh.

- Có những nội dung cần thiết phải củng cố cho học sinh nhưng trong yêu cầu cần đạt không thể hiện, vậy những nội dung này là có cần thiết phải kiểm tra đánh giá hay không? Ví dụ: độ dài của cung tròn; vận dụng hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác để tìm các giá trị lượng giác chưa biết của một góc lượng giác; nhận biết công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản, giải được các phương trình lượng giác cơ bản,…

Qua bài tham luận này, tôi mong muốn tập thể giáo viên Toán các trường có thể chia sẻ về những vấn đề thuận lợi và khó khăn trong việc xây dựng ma trận và biên soạn đề. ***Đặc biệt là về thời gian kiểm tra; tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận; và việc xây dựng ma trận đặc tả phải bám sát y khuôn theo chuẩn yêu cầu cần đạt hay ma trận đặc tả xây dựng trên cơ sở yêu cầu cần đạt thì hợp lí hơn.***

Phụ lục

**VÍ DỤ VỀ SỰ KHÔNG PHÙ HỢP GIỮA YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ MỨC ĐỘ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

Khối 10

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mức độ** | **Ví dụ minh họa** |
| Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị | Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. | NB |  |
| Bất phương trình bậc hai một ẩn | Giải được bất phương trình bậc hai. | VD | Giải bất phương trình .  (đây có phải là một câu hỏi ở mức vận dụng không?) |
| Phương trình đường thẳng | Tính được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng bằng phương pháp toạ độ. | VD | Tính khoảng cách từ điểm  đến đường thắng .  (đây có phải là một câu hỏi ở mức vận dụng không?) |

Khối 11

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mức độ** | **Ví dụ minh họa** |
| Giá trị lượng giác của góc lượng giác, quan hệ giữa các giá trị lượng giác. | ***Sử dụng được máy tính cầm tay*** để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. | VD | Tính .  (đây có phải là một câu hỏi ở mức độ vận dụng không?) |
| Hàm số lượng giác và đồ thị | Nhận biết được định nghĩa các hàm lượng giác *y* = sin *x*, *y* = cos *x*, *y* = tan*x*, *y* = cot *x* ***thông qua đường tròn lượng giác.*** | NB |  |
| Phương trình lượng giác cơ bản | Nhận biết được công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản:  sin *x* = *m*; cos *x* = *m*; tan *x* = *m*;  cot *x* = *m* bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng. | NB | Cho đồ thị hàm số  và đường thắng  như hình vẽ sau:    Công thức nghiệm của phương trình  là:  A.  B.  C.  D.  (câu hỏi này không thể ở mức độ nhận biết được) |
| Tính được nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay. | VD | Tìm nghiệm của phương trình  (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm). |
| Giới hạn của dãy số. | ***Giải thích*** được một số giới hạn cơ bản như:    với *c* là hằng số. | TH |  |
| Giới hạn của hàm số | **Mô tả** được một số giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực cơ bản như:  với *c* là hằng số và *k* là số nguyên dương. | TH |  |
| Phép tính lũy thừa | Tính được giá trị biểu thức số có chứa phép tính luỹ thừa ***bằng sử dụng máy tính cầm tay.*** | VD | Tính giá trị biểu thức |
| Logarit | Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit ***bằng cách sử dụng máy tính cầm tay.*** | VD | Tính . |
| Hàm số mũ. Hàm số lôgarit | – Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit. | TH | Ra đề ? |
| Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit | – Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản (ví dụ ; ; ; ). | TH | Không có mức NB (ví dụ như giải phương trình ở dạng cơ bảng ; …) |
| Đạo hàm của hàm số | Sử dụng được các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương của các hàm số và đạo hàm của hàm hợp. | VD | Tính đạo hàm của hàm số . |
| Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian | – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng, mặt phẳng trong không gian để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. | VDC |  |
| Hai đường thẳng  song song | – Vận dụng được kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. | VDC |  |
| Đường thẳng và mặt phẳng song song | – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng song song với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. |  |  |
| … Đa số phần VDC của hình học đều nói tương tự như trên, và các ví dụ nêu ra ở trên được lấy từ SGK và nằm ở mức VD kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề…và các bài toán chứng minh đường thẳng song song mặt phẳng,…. không thấy trong yêu cầu cần đạt. | | | | |
| Phân tích và xử lí dữ liệu | – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 11 và trong thực tiễn. | NB |  |
|  | – Hiểu được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. | TH |  |
|  | – Tính được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (*median*), tứ phân vị (*quartiles*), mốt (*mode*). | VD |  |
|  | – Rút ra được kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. | VDC |  |